

Số: /GPMT-BNNMT Hà Nội, ngày tháng năm 202...

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1003/CV/GBS/2025 ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của Cơ sở “Trung tâm giống bò sữa Mộc Châu” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu, địa chỉ tại số 912 đường Thảo Nguyên, phường Thảo Nguyên, tỉnh Sơn La được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Trung tâm giống bò sữa Mộc Châu (Cơ sở) tại tổ dân phố 26/7, phường Thảo Nguyên, tỉnh Sơn La với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Trung tâm giống bò sữa Mộc Châu.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ dân phố 26/7, phường Thảo Nguyên, tỉnh Sơn La.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500154060 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 06 tháng 02 năm 2025; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6653132240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 4 năm 2021, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 28 tháng 12 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 5500154060.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi bò; sản xuất các sản phẩm liên quan đến chăn nuôi.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Nhóm dự án: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).
- Tổng diện tích: 39,5 ha.
- Công suất sản xuất của Cơ sở: Chăn nuôi 2.000 con bò; sản xuất 11 triệu lít sữa tươi/năm; sản xuất thức ăn trộn hỗn hợp (TMR) công suất 65,5 tấn/ngày.
- Số lượng công trình, máy móc, thiết bị: 06 khu chuồng chăn nuôi; 01 nhà vắt sữa; 01 nhà sản xuất thức ăn TMR; 01 khu nhà làm mát; 01 khu nhà văn phòng; 01 khu nhà che bồn sữa-
- Quy trình chăn nuôi, sản xuất bao gồm:

+ Quy trình chăn nuôi bò sữa: Bò giống → Chăm sóc, nuôi dưỡng → Bê con → Bò tơ → Bò hậu bị → Bò vắt sữa/Bò cặn sữa chờ phối.

+ Quy trình vắt sữa: Vệ sinh trước khi vắt sữa (dụng cụ, người vắt, bò vắt sữa) → Chuẩn bị dụng cụ vắt sữa → Vệ sinh núm vú → Vắt tia đầu tiên và quan sát → Lau núm vú → Lắp chụp vắt → Xịt hoặc nhúng sát trùng sau vắt xong → Sữa → Bảo quản sữa.

+ Quy trình sản xuất sản phẩm thức ăn (TMR): Nguyên liệu đầu vào (bột hỗn hợp, ngô, cỏ tươi, rỉ mật) → Bồn trộn → Buồng xả → Thức ăn (TMR).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn,

độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép môi trường: 10 năm.

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày tháng năm).

Giấy phép môi trường số 151/GPMT-BTNMT ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Sơn La (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở NN&MT tỉnh Sơn La;
- Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu;
- Công Thông tin điện tử Bộ NN&MT;
- Bộ phận Một cửa, Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, MT, BTa.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMТ-BNNMT ngày tháng năm 202...
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh của cán bộ, công nhân viên trang trại;
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu chuồng số 01 (nước tiểu bò, hoạt động vệ sinh, tắm rửa bò);
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ khu chuồng số 02 (nước tiểu bò, hoạt động vệ sinh, tắm rửa bò);
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ khu chuồng số 03 (nước tiểu bò, hoạt động vệ sinh, tắm rửa bò);
- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ khu chuồng số 04 (nước tiểu bò, hoạt động vệ sinh, tắm rửa bò);
- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ khu chuồng số 05 (nước tiểu bò, hoạt động vệ sinh, tắm rửa bò);
- Nguồn số 07: Nước thải phát sinh từ khu chuồng số 06 (nước tiểu bò, hoạt động vệ sinh, tắm rửa bò);
- Nguồn số 08: Nước thải từ khu vực sân chơi bò;
- Nguồn số 09: Nước thải phát sinh từ khu vực vắt sữa;
- Nguồn số 10: Nước thải phát sinh từ sản dịch bò;
- Nguồn số 11: Sữa hỏng;
- Nguồn số 12: Nước rỉ ủ chua.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Khe hiện trạng nằm về phía Bắc Cơ sở, sau đó chảy ra suối Tân, thuộc phụ lưu sông Đà.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí: Khe hiện trạng nằm về phía Bắc của Cơ sở thuộc tổ dân phố 26/7, phường Thảo Nguyên, tỉnh Sơn La

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 2305544,741; Y= 573577,84

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104°00', múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 10 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý tự chảy ra khe hiện trạng nằm về phía bắc cơ sở.
- Hình thức xả: Xả mặt, xả ven bờ.
- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột A; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,3$) áp dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2031 và Quy chuẩn 62:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (Mức C) áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			Áp dụng đến ngày 31/12/2031	Áp dụng từ ngày 01/01/2032		
1	pH	-	5,5 – 9	6 - 9	Không áp dụng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅	mg/l	100	≤100		
3	COD	mg/l	300	≤250		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	150	≤120		
5	Tổng Nitơ (T- N)	mg/l	150	≤120		
7	Tổng Coliform	MNP/ 100 ml	5.000	≤5.000		

** Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các quy định liên quan đến việc thay đổi chức năng của nguồn nước tiếp nhận thì cơ sở thực hiện theo lộ trình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định khi ban hành các quy định theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 04/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.*

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh về hệ thống xử lý:

- Nguồn số 01 được thu gom, xử lý sơ bộ tại bể tự hoại, sau đó chảy ra bể chứa, bơm hút lên xe bồn đưa về Hệ thống xử lý nước thải có công suất thiết kế 300 m³/ngày đêm (sau đây viết tắt là Hệ thống XLNT) để xử lý.

- Nguồn số 02, 03 và 09 được thu gom về hồ pit 1, sau đó tự chảy về Hệ thống XLNT để xử lý.

- Nguồn số 04 và 05 được thu gom tự chảy về Hệ thống XLNT để xử lý.
- Nguồn số 06 và 07 được thu gom về hố pít 2, sau đó chảy về đầu chuồng số 04 và tự chảy về Hệ thống XLNT.
- Nguồn số 08 được thu gom rãnh thu nước riêng, tự chảy về Hệ thống XLNT để xử lý.
- Nguồn số 10 được thu gom tại mỗi khu chuồng và tự chảy về Hệ thống XLNT để xử lý.
- Nguồn số 11 được thu gom về Hệ thống XLNT để xử lý.
- Nguồn số 12 được thu về hố thu gom chung sau đó đưa về Hệ thống XLNT để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt:

- Số lượng, vị trí: 01 bể tự hoại (01 bể có dung tích thiết kế 30 m³ tại nguồn số 01).
- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (nguồn số 01) → Ngăn chứa → Ngăn lọc → Ngăn lắng → Hệ thống XLNT .

- Hóa chất sử dụng: không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

a) Tóm tắt quy trình công nghệ:

Hệ thống xử lý nước thải có công suất 300 m³/ngày đêm được chia làm nhiều giai đoạn phục vụ cho việc tái sử dụng, tái tuần hoàn nước thải của Cơ sở.

- Giai đoạn 1: Xử lý sơ bộ

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (Nguồn số 01 sau khi xử lý sơ bộ và nguồn số 02 đến 11) → Bể chia phân → Máy tách phân → Bể Biogas 1, 2, 3 → Hồ điều hòa (Hồ số 01) → Hồ Aerotank → 02 Bể tương ứng với các mục tiêu tiếp tục xử lý.

- Giai đoạn 2: Phân chia theo mục tiêu xử lý

+ Xử lý để tái sử dụng cho tưới cây: Nước thải tại Hồ Aerotank → Bể khử trùng → Hồ chứa nước sau xử lý (Hồ số 02) → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng → Tưới cây (khoảng 126 m³/ngày đêm).

+ Xử lý để tái sử dụng cho rửa chuồng: Nước thải tại Hồ Aerotank → Bồn keo tụ, tạo bông → Bể lắng → Bể trung gian và khử trùng (*) → Rửa chuồng (khoảng 120 m³/ ngày đêm).

+ Xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra ngoài môi trường: Nước thải tại Bể trung gian và khử trùng (*) → Bồn lọc áp lực → Khe hiện trạng nằm về phía Bắc của Cơ sở (Lưu lượng xả nước thải tối đa 10 m³/ngày đêm vào mùa mưa).

b) Nguyên tắc vận hành

Nước thải lẫn phân từ Bể chứa phân được bơm lên máy tách phân, phần nước thải được đưa qua hệ thống đường ống ngầm PVC200 dài 100m về Hồ biogas (03 hồ). Sau khoảng thời gian lưu chứa xử lý tại 03 Hồ biogas, nước thải tự chảy về Hồ điều hòa chứa

nước sau biogas (Hồ số 01) bằng đường ống PVC D200 dài 70m để tiếp tục xử lý lắng cặn. Sau đó, tự chảy qua Hồ Aerotank qua đường ống ngầm dưới hồ, đặt chìm máy sục khí công suất 2,2kW ở vị trí tiếp giáp với Hồ điều hòa tiến hành sục khí phía 2/3 thể tích hồ, nước thải sau sục khí lắng ở phía cuối hồ tiếp giáp hệ thống hóa lý.

Từ đây nước thải được dẫn về 02 hồ khác nhau tương ứng với các mục đích để tiếp tục xử lý đạt chất lượng theo nhu cầu của Cơ sở: Vào mùa khô, ưu tiên xử lý dẫn nước thải về hồ chứa nước phục vụ tưới cây. Mùa mưa, nhu cầu tưới ít, sau khi lưu chứa nước phục vụ tưới sẽ dẫn nước về các hồ, bể chức năng để xử lý nước đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường (Lưu lượng xả nước thải lớn nhất là 10 m³/ngày đêm).

+ *Xử lý phục vụ tưới*: nước thải đầu vào khoảng 126 m³/ngày đêm từ Hồ Aerotank sau khi sục khí được công nhân vận hành bơm nước thải qua Bể khử trùng kích thước (1x1)m bằng đường ống nhựa PVC D60 dài 6m và máy bơm công suất 1,5kW (máy bơm số 04). Nước thải sau Bể khử trùng tự chảy về Hồ chứa nước phục vụ tưới (Hồ số 2) qua đường ống PVC D60 đặt chìm trong bể. Nước thải tại hồ xử lý đạt quy chuẩn QCVN 01-195:2022/BNNT – Quy chuẩn nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng, sử dụng bơm lưu động 1,5kW (máy bơm số 05) và đường ống HDPE bơm tái tuần hoàn cho mục đích tưới cây trên phần diện tích đất nông nghiệp của trang trại.

Nguyên tắc vận hành bơm sang hồ chứa nước phục vụ tưới: Mùa khô, công nhân vận hành bơm 01 lần/ngày; mùa mưa vận hành bơm 02 đến 03 lần/ngày hoặc tùy thuộc vào mực nước; thời gian bơm mỗi lần khoảng 02 tiếng.

+ *Xử lý phục vụ tuần hoàn rửa chuồng*: nước thải đầu vào khoảng 130 m³/ngày đêm xử lý từ Hồ Aerotank được bơm tự động qua máy bơm công suất 0,75kW (máy bơm số 01) đặt chìm trong Hồ Aerotank lên Bể keo tụ tạo bông bằng đường ống PVC D60 dài 15m; tự chảy qua ống D100 vào Bể lắng, tiếp tục tự chảy về Bể trung gian và khử trùng. Sau đó, sử dụng bơm công suất 1,5kW (máy bơm số 02) bơm nước qua xử lý lên các khu chuồng qua đường ống HPDE63, sử dụng tái tuần hoàn cho rửa chuồng với lưu lượng 120 m³/ngày đêm.

Nguyên tắc vận hành: cài đặt bơm tự động dựa theo tín hiệu đầu đo mực nước tại bể (mức nước cao thì bơm, mức nước thấp dừng nghỉ).

+ *Xử lý đạt quy chuẩn và xả ra ngoài môi trường*: nước thải đầu vào khoảng 10 m³/ngày đêm xử lý từ Hồ Aerotank được bơm tự động qua máy bơm công suất 0,75kW (máy bơm số 01) đặt chìm trong Hồ Aerotank lên Bể keo tụ tạo bông bằng đường ống PVC D60 dài 15m; tự chảy qua ống D100 vào Bể lắng, tiếp tục tự chảy về Bể trung gian và khử trùng. Sau đó, sử dụng bơm công suất 1,5kW (máy bơm số 03) từ Bể trung gian và khử trùng qua đường ống PVC D60 lên bồn lọc áp lực xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

Nguyên tắc vận hành: cài đặt bơm tự động dựa theo tín hiệu đầu đo mực nước tại bể (mức nước cao thì bơm, mức nước thấp dừng nghỉ).

Hệ thống điều khiển của toàn trạm xử lý nước thải được thiết kế vận hành theo 02 chế độ: chế độ cài đặt tự động và chế độ vận hành tay sử dụng thông qua phần mềm hoặc trên các tủ điện khi có sự cố.

- Công suất thiết kế hệ thống xử lý nước thải: 300 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hóa chất hỗ trợ keo tụ, tạo bông (NaOH-PAC-Polimer), hóa chất khử trùng là (Clorin) (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục

2.3.3 Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

- Đã xây dựng 01 hồ sự cố dung tích 1.500 m³ để phòng ngừa ứng phó sự cố nước thải.
- Kết cấu hồ sự cố: Hồ đất đào, đầm nén chặt, lót bạt HDPE chống thấm.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống xử lý nước thải, thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của các hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp xử lý và ứng phó sự cố kịp thời.

- Trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị, vật tư dự phòng như máy bơm, máy châm hóa chất, đường ống, bạt HDPE để thay thế kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, sự cố đối với các hầm biogas.

- Định kỳ hút bùn thải tại bể tự hoại, các hồ và bể chức năng của hệ thống xử lý nước thải và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương xây, rãnh, đường ống thoát nước để loại bỏ cặn lắng, tăng khả năng thoát nước.

- Định kỳ hàng năm kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc, các công trình xử lý, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi hiệu quả xử lý của từng công đoạn xử lý, đảm bảo nước thải sau xử lý phải đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Công ty đã hoàn thành kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo GPMT số 151/GPMT-BTNMT ngày 25/04/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, không còn hạng mục nào cần thực hiện vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải từ hoạt động của cơ sở (nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi) của cơ sở:

- Nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu tại QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng (Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); đánh giá hợp quy và công bố hợp quy trước khi tái sử dụng theo quy định.

- Nước thải chăn nuôi xả ra môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định tại mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này trước khi xả ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc xả thải ra môi trường khi chưa đáp ứng quy định về xả thải theo yêu cầu tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 202...
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Hoạt động của máy phát điện dự phòng của trang trại.
- Nguồn số 02: Hoạt động của hệ thống quạt thông gió chuồng số 01
- Nguồn số 03: Hoạt động của hệ thống quạt thông gió chuồng số 02
- Nguồn số 04: Hoạt động của hệ thống quạt thông gió chuồng số 03
- Nguồn số 05: Hoạt động của hệ thống quạt thông gió chuồng số 04
- Nguồn số 06: Hoạt động của hệ thống quạt thông gió chuồng số 05
- Nguồn số 07: Hoạt động của hệ thống quạt thông gió chuồng số 06
- Nguồn số 08: Hoạt động của hệ thống máy móc khu vực nhà vắt sữa.
- Nguồn số 09: Hoạt động của nhà máy chế biến thức ăn TMR (máy băm cỏ, dàn cắt cỏ).

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2026. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027: Tiếng ồn, độ rung phải đáp ứng quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung ban hành kèm theo Thông tư 01/2025/TT- BNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

Khoảng thời gian	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dBA)		Ghi chú
	Áp dụng đến ngày 30/6/2026	Áp dụng từ 01/01/2027	
Từ 6 giờ đến 21 giờ	70		Khu vực thông thường
Từ 06 giờ đến 18 giờ		60	Mức C
Từ 18 giờ đến 22 giờ		55	Mức C
Từ 21 giờ đến 6 giờ	55		Khu vực thông thường
Từ 22 giờ đến 6 giờ		50	Mức C

2.2. Độ rung:

Khoảng thời gian	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Áp dụng đến ngày 30/6/2026	Áp dụng từ 01/01/2027	
Từ 6 giờ đến 21 giờ	70		Khu vực thông thường
Từ 6 giờ đến 22 giờ		70	Mức C
Từ 21 giờ đến 6 giờ	60		Khu vực thông thường
Từ 22 giờ đến 6 giờ		65	Mức C

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Tuân thủ quy trình chăn nuôi, đảm bảo thời gian cho bò ăn đúng giờ, đúng quy trình, khẩu phần ăn đầy đủ, cân đối; không để bò đói, gây ồn.
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám trên cánh quạt...) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.
- Trồng nhiều cây xanh xung quanh khu vực chuồng trại nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BNNMT ngày tháng năm 202...
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 02 01	2.000
2	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	17 06 01	100
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	5
4	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính	16 01 06	2
5	Gia súc, gia cầm chết (do dịch bệnh)	14 02 01	21.000
Tổng khối lượng			23.107

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh (trừ chất thải được tái sử dụng, sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất (kí hiệu là TT-R)):

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì đựng thức ăn chăn nuôi	7.300
2	Vật liệu lọc xử lý nước cấp	11
3	Dây buộc các loại	182
4	Bò chết không do dịch bệnh	365.000
Tổng khối lượng		372.493

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: **3.650 kg/năm.**

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy, bao bì chống thấm.

- Kho lưu chứa:

+ Số lượng: 01 kho chứa

+ Diện tích: 12 m².

+ Kho lưu chứa chất thải nguy hại được xây dựng có kết cấu tường bao quanh, có mái che, nền bê tông chống thấm; có thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy. Trong kho có xây dựng hố thu riêng có rãnh để chứa thùng dầu thải, có vật liệu hấp thụ và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- 01 kho chứa chất thải công nghiệp thông thường (kho chứa phân hữu cơ) có diện tích thiết kế 960 m².

- Kho có tường bao quanh, có mái che, nền chống thấm.

3. Khu vực chôn bỏ chết do dịch bệnh:

- Khu vực chôn bỏ chết ở phía Đông Nam của Cơ sở với diện tích 500 m²

- Tọa độ: X=2305203; Y=573628

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°00', múi chiều 3°)

Áp dụng các biện pháp xử lý xác bỏ chết theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; QCVN 01-41:2011/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật; theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong đó ưu tiên tiêu hủy tại cơ sở và đảm bảo quy định sau:

+ Đảm bảo khoảng cách an toàn đến khu nhà ở công nhân, khu chuồng nuôi, khu văn phòng, khu vực khai thác nước sông, hồ, nước ngầm.

+ Sau khi chôn lấp, bề mặt hố và xung quanh khu vực chôn lấp phải được rải vôi bột, phun khử trùng để diệt mầm bệnh phát tán, đặt biển cảnh báo tại khu vực chôn lấp.

+ Kịp thời thông báo cho cơ quan thú ý, chính quyền địa phương để phối hợp xử lý, giám sát quá trình tiêu hủy, xử lý bỏ chết do dịch bệnh đảm bảo quy định pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/ NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/ NĐ-CP.

3. Đầu tư mua sắm trang, thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại Dự án, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố.

4. Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải bảo đảm sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố.

5. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT) để có biện pháp quản lý phù hợp.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BNNMT ngày tháng năm 202... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN:

Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu đã hoàn thành các hạng mục, công trình sản xuất, công trình bảo vệ môi trường và các yêu cầu bảo vệ môi trường theo Giấy phép môi trường số 151/GPMT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 25/04/2024; không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Chỉ được triển khai xây dựng, hoạt động của các hạng mục, công trình bảo vệ môi trường của Cơ sở trên diện tích đất theo phạm vi, ranh giới đã được cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT). Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT). Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Khí thải, mùi hôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi:

+ Có biện pháp giảm thiểu mùi tại chuồng trại, hệ thống xử lý nước thải, phân: Sử dụng hệ thống cào phân tự động 45 phút/lần để cào toàn bộ lượng phân và nước tiểu xuống mương thu phân, sau đó chất thải được tập trung tại hố thu phân, từ hố thu phân chất thải được bơm sang khu xử lý nước thải 1 lần/ngày bằng máy bơm chuyên dụng có công suất lớn; Phun chế phẩm vi sinh tại khu vực thu gom, xử lý nước thải để thúc đẩy quá trình phân

hủy của phân bò, giảm thiểu và ức chế các vi khuẩn gây mùi, gây bệnh với tần suất 3-5 ngày/lần để giảm mùi hôi và khí độc hại.

+ Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

+ Duy trì, chăm sóc diện tích cây xanh, cây ăn quả theo quy hoạch, đặc biệt diện tích cây xanh cách ly xung quanh các chuồng nuôi.

6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

7. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Đối với sự cố bò chết và dịch bệnh: Đối với các trường hợp bò chết do nghi ngờ bệnh có thể lây lan, Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu phải báo cáo với chính quyền địa phương và cơ quan thú y để được hướng dẫn, xử lý theo quy định của pháp luật về thú y và tiến hành biện pháp xử lý tuân thủ của pháp luật về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.